

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA DỰ ÁN LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (SỬA ĐỔI)

THANH MAI

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 2008 được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 3 vào ngày 03/06/2008 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009. Đến nay, Luật Thuế TNDN đã được sửa đổi, bổ sung 03 lần tại Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung 2013; Luật sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế 2014 và Luật Đầu tư 2020. Trải qua hơn 15 năm thực hiện, Luật Thuế TNDN đã đi vào cuộc sống, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Mặc dù vậy, một số quy định của Luật Thuế TNDN hiện hành cũng đã bộc lộ điểm bất cập, không còn phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay. Do vậy, Bộ Tài Chính đã xây dựng hồ sơ dự án Luật Thuế TNDN (sửa đổi) (Dự án luật) trình Chính phủ với mục tiêu thể chế hóa chủ trương, đường lối về cải cách hệ thống chính sách thuế TNDN, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và yêu cầu phát triển mới của nền kinh tế, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Một số điểm mới nổi bật của Dự án luật như sau:

Bổ sung quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu

Để đảm bảo thống nhất với quy định tại Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu, Dự án luật đã ghi nhận quy định về việc thu thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu (Điều 1 của Dự án luật) với một số nội dung tiêu biểu như sau:

(i) Bổ sung nhóm người nộp thuế (Điều 2 của Dự án luật) là đơn vị hợp thành của tập đoàn đa quốc gia có doanh thu trong báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ tối cao ít nhất 02 năm trong 04 năm liên kế trước năm tài chính tương đương 750 triệu euro (EUR) trở lên, nộp thuế TNDN bổ sung theo quy định tại Chương IV Dự án luật, trừ một số trường hợp như: tổ chức của chính phủ; tổ chức quốc tế; tổ chức phi lợi nhuận...

(ii) Bổ sung Chương IV về Thuế TNDN bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Dự án Luật, bao gồm một số nội dung như giải thích một số định nghĩa (tập đoàn, tập đoàn đa quốc gia, báo cáo tài chính hợp nhất...), quy định về thuế TNDN bổ sung tối



thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT), tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR), lợi nhuận chịu thuế dưới mức tối thiểu (UTPR), khấu trừ tại nguồn tối thiểu (STTR).

Việc ghi nhận, bổ sung các quy định trên nhằm giữ lại quyền đánh thuế cho Việt Nam trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới triển khai áp dụng Trụ cột 2 về thuế tối thiểu toàn cầu; góp phần tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước; đồng thời đảm bảo có hành lang pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện các vấn đề thuế quốc tế có tính chất toàn cầu liên quan đến việc áp dụng UTPR và STTR tại Việt Nam khi đủ điều kiện áp dụng theo hướng dẫn, thỏa thuận của OECD.

Bổ sung khoản thu nhập miễn thuế TNDN từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon, từ tiền lãi và từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành

Luật Thuế TNDN hiện hành quy định 11 nhóm thu nhập của doanh nghiệp được miễn thuế TNDN. Tuy nhiên, thực tế đã phát sinh một số nội dung cần nghiên cứu, bổ sung để phù hợp với bối cảnh kinh tế, xã hội của đất nước. So với Luật Thuế TNDN hiện hành, Dự án luật đã bổ sung thêm loại thu nhập được miễn thuế là thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ các-bon, từ tiền lãi và từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành. Việc bổ sung quy định này được tiến hành dựa trên cơ sở đảm bảo sự thống nhất với pháp luật Bảo vệ môi trường về phát triển thị trường các-bon, quy định về ưu đãi liên quan tới phát hành trái phiếu xanh, từ đó khuyến khích bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính,

hướng tới phát triển xanh, phát triển bền vững và góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Đồng thời, Dự án luật đã bỏ cụm từ viết tắt “CERs” trong cụm từ chứng chỉ giảm phát thải tại khoản 10 Điều 4 Luật Thuế TNDN hiện hành để đảm bảo việc miễn thuế được áp dụng với thu nhập từ chuyển nhượng các loại chứng chỉ giảm phát thải nói chung mà không chỉ giới hạn là chứng chỉ CERs như hiện hành. Trên thực tế, bên cạnh chứng chỉ CERs trên thực tế các doanh nghiệp còn có thể chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải tự nguyện VERs. Theo đó, chứng chỉ CERs và VERs về bản chất đều giống nhau ở mục tiêu khuyến khích bảo vệ môi trường thông qua việc giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới phát triển bền vững.

Bãi bỏ quy định về ngưỡng giá trị 20 triệu đồng trở lên đối với các hóa đơn mua hàng hóa, ghi nhận chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khi xác định chi phí được trừ thuế TNDN

Luật Thuế TNDN hiện hành quy định doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; (ii) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. *Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt*, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

Thực tế thi hành cho thấy việc quy định ngưỡng 20 triệu đồng cần được cân nhắc lại để tránh tác động bất lợi cho các doanh nghiệp ở vùng sâu, vùng xa, phù hợp với đặc điểm thanh toán của ngân hàng và hạn chế tình trạng chia nhỏ hóa đơn. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam, việc thanh toán không dùng tiền mặt trong quản lý thuế sẽ được thúc đẩy trong thời gian tới. Do vậy, để đáp ứng thực tiễn và đảm bảo tính đồng bộ giữa các quy định pháp luật, đặc biệt là các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian tới, Dự án luật đã bỏ ngưỡng giá trị 20 triệu đồng trở lên này và ghi nhận chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để xác định khoản chi được trừ. Cụ thể, Dự thảo luật quy định điều kiện về hoá đơn như sau: *“Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ (bao gồm cả chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt), trừ các*

trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ”.

Sửa đổi, bổ sung quy định về khoản chi không được trừ liên quan đến lãi suất tiền vay

Điểm e khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN hiện hành quy định về các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế có bao gồm *“phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay”*. Quy định trên được ban hành trên cơ sở Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005, cụ thể: *“lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*.

Tuy nhiên, quy định này của Bộ luật Dân sự 2005 đã được thay thế bởi Điều 468, Bộ luật Dân sự 2015: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”*. Do vậy, Dự án luật đã đề xuất sửa đổi tại điểm i khoản 2 Điều 9 như sau: *“[...] Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. [...]”* nhằm thống nhất với các quy định của Bộ luật dân sự 2015.

Bổ sung quy định về thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ

Tại khoản 1 Điều 10 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa được áp dụng có thời hạn mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường áp dụng cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”*. Trong các trường hợp được áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi thấp hơn mức thuế suất phổ thông là 20%, không có trường hợp của doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Trong khi đó, theo thống kê, số doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ chiếm gần 97% trong tổng số doanh nghiệp ở Việt Nam. Do đó, Dự án luật đề xuất quy định về thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ nhằm góp phần hỗ trợ cho các doanh nghiệp này, tạo điều kiện tích tụ vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh và sớm nâng quy mô doanh nghiệp.

Cụ thể, nội dung quy định bổ sung về thuế suất thuế

TNDN áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ được quy định tại khoản 2 Điều 10 Dự án luật như sau: “Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ: **(a)** Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng; **(b)** Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng; **(c)** Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của năm trước liền kề. Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, giao Chính phủ quy định cụ thể tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng; **(d)** Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản này.”

Nhìn chung, các quy định của Dự án luật được sửa đổi, bổ sung hoàn thiện theo hướng minh bạch, dễ thực hiện, đảm bảo đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần đảm bảo quyền lợi và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp. Bộ Tài Chính vẫn đang tiếp tục thu thập ý kiến đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hoàn thiện các nội dung tại Dự án luật trước khi trình Quốc hội thông qua. Các doanh nghiệp nên cập nhật và nghiên cứu những chính sách thuế TNDN được sửa đổi, bổ sung tại Dự án luật và theo dõi tiến trình soạn thảo để kịp thời áp dụng các quy định mới trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sau khi Luật Thuế TNDN (sửa đổi) chính thức được ban hành.